

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST

Ngày 28-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quang Hợp

2. Ông Trương Văn Bình

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2018; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Giàng Thị P - Sinh năm 1978. Nơi sinh: Xã Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKTT và nơi ở hiện nay: Bản K 1, xã Trung L, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Con ông: Giàng A D, sinh năm 1960; Con bà: Sùng Thị D, sinh năm 1961; Bị cáo có chồng: Vàng A N, sinh năm 1974, con có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2008.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21-9-2017 chuyển tạm giam ngày 24-9-2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người phiên dịch cho Bị cáo và người làm chứng Vàng Thị V:

Anh Lâu Văn Q, sinh năm 1993

Trú tại: Bản Pù T, xã Pù N, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 20-9-2017 khi Giàng Thị P đang ở nhà một mình thì có Lê Văn T đến gặp và hỏi mua ma túy của P để sử dụng. Tại nhà P, T lấy trong người ra 01 tờ tiền 200.000đ đưa cho P. Lúc này Pàng đang ngồi trên giường trong nhà, P nhận tiền của T và lấy ra 04 cục nhỏ hêrôin đưa cho T. Sau đó Pàng quay lại giường phía trong nằm nghỉ, còn T làm gì, đi đâu P không hề hay biết.

Đến buổi tối cùng ngày sau khi gia đình P ăn cơm xong, P đã đưa cho con gái là Vàng Thị V số tiền 200.000đ do bán ma túy cho T có được, đồng thời đưa cho V 06 cục hêrôin nhỏ được gói bằng giấy nilon màu hồng để V cất giữ, khi nào có người hỏi mua thì P lấy ma túy từ V để bán lấy tiền. Đến 07 giờ sáng ngày 21-9-2017, khi P và V đang ở nhà thì T lại đến hỏi mua ma túy. Tại nhà P, T đưa cho P 200.000đ, P nhận tiền rồi đưa cho con gái là V cất giữ vào túi đeo màu đen trên người, đồng thời V cũng lấy ra 04 cục hêrôin trong túi đeo màu đen để đưa cho P, sau đó P đưa cho T và quay vào giường nằm nghỉ, còn T đi đâu làm gì P không biết. Khi T có hêrôin thì T lấy ra một ít để sử dụng (chích) ngay tại nhà P. Khi T sử dụng ma túy xong và đang ngồi tại nhà P thì Tổ công tác tuần tra Công an huyện Mường Lát phối hợp với Ban Công an xã Trung Lý, huyện Mường Lát đang làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực bản Khăm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì phát hiện và bắt quả tang đối với Lê Văn T, sinh năm 1993, trú tại: Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại nhà Giàng Thị P. Thu giữ trước mặt Lê Văn T 01 gói nilon màu hồng, bên trong chứa các chất bột dạng nén màu trắng ngà, T khai nhận đó hêrôin vừa mua được của Giàng Thị P với giá 200.000đ.

Sau khi T bị bắt, số ma túy mà V đang cầm đã đưa cho Giàng Thị P sử dụng hết. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã tiến hành khám xét và bắt khẩn cấp đối với Giàng Thị P. P đã khai nhận số ma túy đã bán cho Lê Văn T và số ma túy đã sử dụng hết là do chồng tên là Vàng A N đưa cho để sử dụng, vì P và chồng đều nghiện ma túy, khi có ai hỏi mua ma túy thì P cũng sẽ bán để kiếm lời. P khai đã bán cho Lê Văn T 02 lần được 400.000đ thì bị bắt.

Tang vật thu giữ gồm:

- Thu giữ của Lê Văn T: 01 gói nilon màu hồng, bên trong chứa các chất bột màu trắng ngà; 01 xe máy HONDA WAVE màu trắng BKS 89L1-170.xx; 01 điện thoại di động GALAXY J2 màu đồng; 01 đăng ký xe máy mang tên Phạm Văn T; 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Văn T và 1.900.000đ.

- Thu giữ của Giàng Thị P số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận giám định số: 2708/MT-PC54 ngày 24-9-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Cục bột dạng nén màu trắng

ngà của phong bì niêm phong gửi gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,058g (Không phải không trăm năm tám gam) loại: Hêrôin.

Cáo trạng số 08/CT-VKS-ML ngày 02-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Giàng Thị P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, điểm e, khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, nay là điểm b, điểm e khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” để kiếm lời là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện ma túy, không có tiền nên bán để kiếm lời mua ma túy sử dụng, đồng thời đưa ma túy cho con cất giữ để đi làm rẫy, sợ bị rơi mất, khi cần sẽ lấy để bán, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và tranh luận tại phiên tòa: Giữ nguyên toàn bộ quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố bị cáo Giàng Thị P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đề nghị áp dụng điểm b, điểm e, khoản 2 điều 194 BLHS sửa đổi năm 1999, nay là điểm b, điểm e, khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, điều 38, điểm s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, thực hiện nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 điều 7 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Giàng Thị P từ 07 năm 06 tháng tháng đến 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Tịch thu tiêu hủy số ma túy, tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 400.000đ.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Nhưng cho rằng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; ngoài ra, Bị cáo là người dân tộc thiểu số, lại sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, không biết chữ, không biết tiếng phổ thông, gia đình thuộc diện hộ nghèo. Nên đề nghị HĐXX cân nhắc, áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội theo BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017; khoản 3 điều 7; khoản 2 điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS năm 2015. Đề nghị HĐXX cho bị cáo mức án thấp nhất có thể, nhưng vẫn đủ sức răn đe, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, trở thành công dân có ích và vẫn có tính phòng ngừa chung. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, không thay đổi, không bổ sung thêm gì, không có ý kiến tranh luận với đại diện

VKS, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo Giàng Thị Pàng tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ buộc tội và quan điểm đề nghị xử lý của Kiểm sát viên và có căn cứ pháp lý. Vì vậy, HĐXX đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo thực hiện hành vi phạm tội như sau: Bị cáo được chồng là Vàng A N đưa cho số ma túy để sử dụng, đến ngày 20-9-2017, bị cáo đã bán cho Lê Văn T 04 cục nhỏ hêrôin để lấy 200.000đ, tối cùng ngày, bị cáo đã đưa số ma túy còn lại của bị cáo và 200.000đ tiền đã bán ma túy trước đó cho con gái Vàng Thị V cất giữ. Sáng ngày 21-9-2017, khi T đến hỏi mua ma túy thì bị cáo đã gọi V lại để lấy ma túy từ V đưa cho T và lấy 200.000đ từ T và vào nghỉ trong giường, T đi đâu làm gì P không biết. Khi T sử dụng xong ma túy, đang ngồi tại nhà P thì Th bị Công an huyện Mường Lát bắt quả tang đưa về làm việc. Chiều cùng ngày Giàng Thị P bị bắt khẩn cấp và khám xét nơi ở của bị cáo, cơ quan chức năng thu giữ của bị cáo 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Số ma túy bị cáo bán cho Lê Văn T bị thu giữ là 0,058g (Không phải không trăm năm tám gam) loại: Hêrôin.

Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Giàng Thị P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, điểm e, khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là điểm b, điểm e khoản 2 điều 251 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất vụ án do bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được việc bán ma túy để kiếm lời là phạm pháp nhưng vẫn cố tình thực hiện, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự, an toàn xã hội, con bị cáo đang còn nhỏ là tương lai của đất nước, nhưng để nhằm mục đích che dấu hành vi

phạm tội của mình, bị cáo đã dùng con đê của mình làm nơi cất dấu ma túy và tiền. Đặc biệt hiện nay, tại địa phương, tình trạng sử dụng, mua bán ma túy đang diễn ra hết sức phức tạp và đã đến mức báo động trong phạm vi toàn quốc, nhưng chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo đã bất chấp và thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý chí xem thường pháp luật, hơn nữa bị cáo có 02 tình tiết định khung hình phạt. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương ứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ này và được xem xét khi quyết định hình phạt; Đối với đề nghị của Người bào chữa áp dụng khoản 2 điều 51 cho bị cáo thì không đủ cơ sở để áp dụng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, gia đình thuộc diện hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Vật chứng trong vụ án: Đối với 01 xe máy HONDA WAVE màu trắng BKS 89L1-170.xx; 01 điện thoại di động GALAXY J2 màu đồng; 01 đăng ký xe máy mang tên Phạm Văn T; 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Văn T; 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng) thu giữ của Lê Văn T, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ hữu hợp pháp, nên HĐXX không xét.

- Đối với 0,045g (Không phẩy không trăm năm mươi tám gam) hêrôin còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất nhà Nước cấm lưu hành. Căn cứ điều 47 BLHS; điều 106 BLTTHS, cần tịch thu hủy.

- Đối với 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo, đây là tiền do phạm tội mà có. Căn cứ điều 47 BLHS; điều 106 BLTTHS, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo và kháng nghị: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[8] Các nhận định khác:

- Đối với Lê Văn T là người bị bắt quả tang, về hành vi tàng trữ trái phép 0,058g hêrôin không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nên HĐXX không xem xét.

- Đối với cháu Vàng Thị V, sinh ngày 01-12-2002 (con gái của bị cáo Pàng) là người được Pàng đưa ma túy để cất dấu, khi nào có người đến mua thì V đưa lại cho P bán và cất dấu tiền bán ma túy của P. Quá trình điều tra đã làm rõ V đã cùng

P bán ma túy cho T ngày 21-9-2017. Xét thấy, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Vàng Thị V chưa đủ 15 tuổi nên không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm nghiêm trọng, vì vậy không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Vàng Thị V, giao Vàng Thị V cho chính quyền địa phương quản lý, giám sát, giáo dục.

- Đối với Vàng A N, theo lời khai của P thì số ma túy của P bán cho Lê Văn T là do N đưa cho P sử dụng. Quá trình điều tra xác minh thì Vàng A N không có mặt tại địa phương, nên không thể làm rõ xử lý.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điểm b, điểm e, khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là điểm b, điểm e khoản 2 điều 251; khoản 3 điều 7; Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội
Tuyên bố: Bị cáo Giàng Thị P phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Hình phạt chính: Xử phạt Bị cáo Giàng Thị P **07** (Bảy) năm **06** (Sáu) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (21-9-2017).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong vật chứng do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, bên trong có 0,045 gam hêrôin là mẫu vật còn lại sau khi trích mẫu giám định. Tất cả được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đ, Lưu Bình N, Nguyễn Văn B và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Giàng Thị P.

Vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05-02-2018 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THA Dân sự huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc Bị cáo Giàng Thị P phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo và Kháng nghị: Áp dụng: Điều 331, điều 333, điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Án xử công khai; có mặt bị cáo và người bào chữa; Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, huyện Mường Lát;
- Bị cáo Giàng Thị P;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

